**2. Mẫu phiếu đánh giá bài dạy mới nhất theo công văn 5555/BGDĐT-GDTrH:**

**PHIẾU DỰ GIỜ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC**

Họ và tên giáo viên dạy: ...

Đơn vị công tác:...

Tên bài (chủ đề):...

Môn:...tiết..ngày dạy...

Họ và tên người dự:...Chuyên môn: ...Đơn vị công tác...

I. Phần ghi nhận:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động Thầy và Trò | Nội dung | Nhận xét |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

II. PHẦN CHO ĐIỂM

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Tiêu chí | Điểm chuẩn | Điểm đạt |
| 1. Kế hoạch và tài liệu dạy học | 1. Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. | 1,5 |  |
| 2. Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập. | 1,5 |  |
| 3. Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh. | 1,5 |  |
| 4. Mức độ hợp lí của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh. | 1,5 |  |
| 2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh | 5. Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập. | 2,0 |  |
| 6. Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh. | 1,5 |  |
| 7. Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. | 1,5 |  |
| 8. Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh. | 2,0 |  |
| 3. Hoạt động của học sinh | 9. Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp. | 2,0 |  |
| 10. Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. | 1,5 |  |
| 11. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. | 2,0 |  |
| 12. Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. | 1,5 |  |
| Tổng cộng | | 20,0 |  |

II. PHẦN NHẬN XÉT (Ghi đầy đủ nhận xét cho từng hoạt động)

1. Kế hoạch và tài liệu dạy học

...

2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh

...

3. Hoạt động của học sinh

...

III. XẾP LOẠI:...

Ghi chú: Cách xếp loại:

Loại Giỏi: Để đạt loại giỏi, học sinh cần đạt tổng điểm từ 17,0 – 20,0 điểm và đáp ứng tất cả các tiêu chí với điểm từ 1,25 điểm trở lên.

Loại Khá: Để đạt loại khá, học sinh cần đạt tổng điểm từ 13,0 – dưới 17,0 điểm và đáp ứng tất cả các tiêu chí với điểm từ 1,0 điểm trở lên.

Loại Trung bình: Để đạt loại trung bình, học sinh cần đạt tổng điểm từ 10 – dưới 13,0 điểm và đáp ứng tất cả các tiêu chí với điểm từ 0,75 điểm trở lên.

Loại yếu, kém: Để đạt loại yếu, kém, học sinh cần đạt tổng điểm dưới 10 điểm.

Lưu ý:

Trong trường hợp có nhiều giáo viên đánh giá trong giờ dạy, điểm trung bình của giờ dạy có thể được làm tròn đến 0,25 điểm. Việc đánh giá điểm phải dựa trên phân tích các ưu, khuyết điểm và mức độ cần đạt của từng tiêu chí.

Trong trường hợp học sinh đạt đủ điểm, nhưng không đáp ứng đủ các điều kiện để xếp loại, học sinh sẽ được xếp loại dưới liền kề.

..., ngày tháng năm ....

|  |  |
| --- | --- |
|  | Giáo viên dự giờ  (Ký và ghi rõ họ tên) |

**3. Mẫu phiếu đánh giá tiết dạy của giáo viên mầm non chuẩn nhất:**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  THÀNH PHỐ ...  SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

PHIẾU GHI NHẬN, ĐÁNH GIÁ BÀI DẠY, CHỦ ĐỀ DẠY HỌC BẬC TRUNG HỌC

Họ và tên giáo viên dạy: ...

Trường: ...

Lớp: ...

Môn: ... Tên bài (chủ đề):...

Thời gian: ...

Họ và tên người dự: ....Chuyên môn: ....

Đơn vị công tác:...

Phần ghi nhận:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung hoạt động | Tiến trình hoạt động của GV, HS | Nhận xét, đánh giá, góp ý |
|  |  |  |

Phần đánh giá

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Tiêu chí | Đánh giá | | | | |
| Tốt  9-10 | Khá  7-8 | T.B  5-6 | Yếu  3-4 | Kém  1-2 |
| 1. Kế hoạch và tài liệu dạy học  (20 điểm) | 1.1 Xác định đầy đủ, hợp lý mục tiêu, nội dung, phương pháp và các thiết bị dạy học trong kế hoạch dạy học. |  |  |  |  |  |
| 1.2. Thiết kế rõ ràng, đầy đủ, hợp lý chuỗi hoạt động học của học sinh, phù hợp với mục tiêu, nội dung dạy học. |  |  |  |  |  |
| 2. Giáo viên tổ chức hoạt động học  (40 điểm) | 2.1. Thực hiện sinh động việc chuyển giao nhiệm vụ học tập; tổ chức nội dung chuỗi hoạt động học đầy đủ, đúng kế hoạch. |  |  |  |  |  |
| 2.2. Vận dụng hiệu quả, sinh động các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm. |  |  |  |  |  |
| 2.3. Các kiến thức tổng hợp, kết luận được nêu lên chính xác, đầy đủ. |  |  |  |  |  |
| 2.4. Thực hiện hợp lý, hiệu quả việc lồng ghép các thông tin, kiến thức thực tiễn, tích hợp. |  |  |  |  |  |
| 3. Học sinh thực hiện hoạt động học  (40 điểm) | 3.1. Học sinh tích cực, chủ động, hợp tác cùng nhau và cùng giáo viên trong thực hiện các hoạt động học tập. |  |  |  |  |  |
| 3.2. Các đối tượng học sinh đều tham gia vào các hoạt động học, phù hợp với trình độ bản thân. |  |  |  |  |  |
| 3.3. Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. |  |  |  |  |  |
| 3.4. Học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng, thái độ vào các luyện tập, tình huống cụ thể, thực tiễn cuộc sống. |  |  |  |  |  |

Tổng điểm (Đ):...  Đánh giá chung: ...

(Loại Giỏi: Đ ≥ 85, điểm mỗi tiêu chí (ĐTC) ≥ 6, Loại Khá: 65 ≤ Đ ≤ 84, ĐTC ≥ 5,

Loại Trung bình: 50 ≤ Đ ≤ 64, Chưa đạt yêu cầu: các trường hợp còn lại.)

Nhận xét chung:

...

|  |  |
| --- | --- |
|  | ......, ngày ..... tháng ......năm ............  Người dự |

**4. Mẫu phiếu đánh giá tiết dạy của giáo viên mầm non**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT...  TRƯỜNG... | TRƯỜNG ...  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

PHIẾU DỰ GIỜ

Họ tên người dạy:……

Tên bài:……Tiết PPCT…

Môn:…Lớp:……Tiết thứ :…Ngày dạy:…

Họ tên người cùng dự:…

I. Tóm tắt tiến trình bài giảng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các bước và thời gian | Diễn biến bài giảng  (Theo nội dung cần trao đổi) | Nhận xét  (Ưu, nhược điểm) |
|  | …… | …… |

II. Nhận xét chung:

......

III. Thống nhất xếp loại:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các mặt | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá | Nhận xét |
| Nội dung (6 điểm) | 1. Đầy đủ, chính xác, hệ thống, tập trung vào kiến thức trong tâm bài học | 2,5 |  |  |
| 2. Đạt được các yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kĩ năng. | 2,0 |  |  |
| 3. Có tính cập nhật, liên hệ thực tiển thể hiện tính giáo dục. | 1,5 |  |  |
| Phương pháp (10 điểm) | 4. Tổ chức hoạt động học tập linh hoạt sáng tạo và phù hợp để đạt mục tiêu bài học. | 2,5 |  |  |
| 5. Thiết bị đồ dùng tư liệu,…được sử dụng hợp lí, hiệu quả. | 1,0 |  |  |
| 6. Các bài tập/nhiệm vụ giao cho học sinh đa dạng, chú ý tính phân hoá cho đối tượng, kích thích cho học sinh học tập sáng tạo. | 2,0 |  |  |
| 7. Học sinh tham gia học tập  \* Chủ động tích tực tự giác.  \* Sáng tạo phù hợp với nhận thức từng đối tượng.  \* Có sự tương tác, hợp tác. | 3,0 |  |  |
| 8. HS được tạo điều kiện liên hệ những kiến thức đã biết để phát hiện kiến thức mới, rèn luyện kĩ năng, vận dụng vào thực tế. | 1,0 |  |  |
| 9. Phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lí. Đảm bào thời gian quy định | 0,5 |  |  |
| Đánh giá  (4 điểm) | 10. Tổ chức hoạt động đánh giá linh hoạt phù hợp, kết hợp đánhgiá của GV và HS. | 1,0 |  |  |
| 11. HS có cơ hội tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. | 1,0 |  |  |
| 12. Đạt được mục tiêu bài học. | 2,0 |  |  |
| Tổng cộng | 20,0 |  |  |
|  | Xếp loại |  |  |  |

Ngày …… tháng …… năm 2….

|  |  |
| --- | --- |
| NGƯỜI DẠY  (Ký, ghi rõ họ tên) | NGƯỜI ĐÁNH GIÁ  (Ký, ghi rõ họ tên) |

Cách xếp loại :

Loại giỏi: Điểm tổng cộng đạt từ 17-20 điểm. Các yêu cầu 2, 4, 5, 7, và 9 đạt điểm tối đa, tức là 9 điểm. Nếu bạn muốn đạt loại giỏi, bạn cần phải nỗ lực đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Loại khá: Điểm tổng cộng đạt từ 13-16,5 điểm. Các yêu cầu 2, 4, và 7 đạt điểm tối đa, tức là 7,5 điểm. Nếu bạn muốn đạt loại khá, bạn cần phải hoàn thành tốt các yêu cầu này.

Loại trung bình: Điểm tổng cộng đạt từ 10-12,5 điểm. Các yêu cầu 2 và 4 đạt điểm tối đa, tức là 4,5 điểm. Nếu bạn muốn đạt loại trung bình, bạn cần phải hoàn thành các yêu cầu này.

Loại yếu hoặc kém: Điểm dưới 10 điểm. Nếu bạn đạt loại này, hãy không nản lòng. Thay vào đó, hãy xem điều này như một cơ hội để cải thiện và đạt kết quả tốt hơn trong tương lai. Bạn có thể học hỏi từ những sai lầm và sẽ có cơ hội để nỗ lực và đạt được những mục tiêu của mình.

**5. Mẫu phiếu đánh giá tiết dạy của giáo viên mầm non đúng chuẩn**

Thứ..... ngày.....tháng.....năm......

Tường thuật tiết dạy

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dự giờ |  | Thăm lớp |  | Hội giảng thao giảng |  |

Họ và tên người dạy .........Lớp: .....

Từ ......giờ.....phút.....đến.....giờ......phút

Tên bài dạy: .....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nhận xét |
|  |  |  |

Đánh giá tiết dạy

Ưu điểm: .....

Tồn tại: ........

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các lĩnh vực | Mức điểm | Điểm |
| I | 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| II | 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| III | 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| IV | 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| 2,0 – 1,5 – 1,0 – 0,5 |  |
| Tổng điểm | |  |
| Xếp loại | |  |